

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2020/DS-ST**

Ngày: 24-9-2020

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Cương

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “hợp đồng dân sự góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Võ Thành L**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

2.2. Bà **Nguyễn Thị Diễm Th**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2020, biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2020 nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Ngày 16/10/2014 âm lịch ông có tham gia góp dây hụi ngày, loại hụi 50.000 đồng do ông Võ Thành L, bà Nguyễn Thị Diễm Th làm chủ. Hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 50.000 đồng), hụi có tổng cộng 130 phần, ông tham gia 20 phần, góp hụi sống được 110 ngày, còn lại 20 ngày ông lĩnh hụi chót. Tổng số tiền hụi ông được lĩnh là 110.000.000 đồng, nhưng trừ tiền còn 1.000.000 đồng nên còn lại 109.000.000 đồng (hiện dây hụi này đến nay đã mãn).

Sau đó ông có đòi nhiều lần nhưng ông L, bà Th cứ hẹn hết lần này đến lần khác nên năm 2015 ông có tự viết giấy nợ hụi ngày 16/02/2015 và ông L, bà Th có trực tiếp ký tên vào giấy nợ hụi này.

Sau khi làm giấy xong thì năm 2018 chỉ bà Th trả cho ông được 5.000.000 đồng, năm 2019 bà Th tiếp tục trả cho ông được 5.000.000 đồng nên còn nợ lại 99.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Thành L, bà Nguyễn Thị Diễm Th phải trả cho ông số tiền hụi còn thiếu là **99.000.000đ** (Chín mươi chín triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2020 bà Nguyễn Thị Diễm Th là bị đơn có ý kiến:*

Ngày 16/10/2014 âm lịch vợ chồng bà có mở dây hụi 50.000 đồng, loại hụi ngày, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò 50.000 đồng), hụi có 130 phần, ông T tham gia 20 phần, góp hụi sống được 110 ngày, còn lại 20 ngày là của ông T lĩnh hụi cuối cùng. Tổng số tiền được lĩnh là 110.000.000 đồng, nhưng trừ tiền còn 1.000.000 đồng nên còn lại 109.000.000 đồng (hiện dây hụi này đến nay đã mãn).

Do hụi viên không góp hụi chết cho vợ chồng bà nên không có tiền giao cho ông T.

Sau khi hụi mãn được vài tháng thì vợ chồng bà có làm giấy nợ hụi với tổng số tiền 110.000.000 đồng và có hẹn thời gian trả cho ông T, đồng thời vợ chồng có ký tên vào giấy nợ hụi, còn chữ viết tên do ông T viết dùm.

Sau khi làm giấy nợ chỉ bà trả cho ông T được 02 lần bằng 10.000.000 đồng (năm 2018 trả 5.000.000 đồng, năm 2019 trả 5.000.000 đồng) nên còn nợ lại 99.000.000 đồng.

Nay thừa nhận vợ chồng còn nợ và đồng ý trả cho ông T số tiền hụi còn thiếu là **99.000.000đ** (*Chín mươi chín triệu đồng*), nhưng hẹn một năm trả 5.000.000 đồng đến khi nào đủ 99.000.000 đồng còn nợ.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn ông Trần Văn T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Võ Thành L, bà Nguyễn Thị Diễm Th vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn ông Trần Văn T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn ông Võ Thành L, bà Nguyễn Thị Diễm Th trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T, buộc bị đơn ông Võ Thành L, bà Nguyễn Thị Diễm Th phải trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn ông Võ Thành L, bà Nguyễn Thị Diễm Th biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*” của nguyên đơn ông Trần Văn T, nhưng bị đơn ông L, bà Th không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông L, bà Th, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn ông L, bà Th vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Bị đơn.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt”*.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Võ Thành L, bà Nguyễn Thị Diễm Th, nhưng bị đơn ông L, bà Th vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông L, bà Th, nhưng bị đơn ông L, bà Th vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông L, bà Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày thừa nhận của bị đơn (bút lục số 36), cũng như lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn ông Trần Văn T với bị đơn ông Võ Thành L, bà Nguyễn Thị Diễm Th có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau. Cụ thể: Ông T đã tham gia dây hụi ngày do ông L, bà Th làm chủ, loại hụi ngày 50.000 đồng, hụi mở ngày 16/10/2014 âm lịch, dây hụi có 130 phần, ông T tham gia 20 phần và là người lĩnh hụi cuối cùng trong dây hụi. Tổng số tiền được lĩnh hụi là 110.000.000 đồng, nhưng trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng và sau đó bà Th đã trả cho ông L 02 lần được 10.000.000 đồng nên còn nợ lại 99.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Do đó, hiện nay bị đơn ông Võ Thành L, bà Nguyễn Thị Diễm Th phải trả số tiền hụi còn thiếu đối với nguyên đơn ông Trần Văn T là **99.000.000đ** (Chín mươi chín triệu đồng), vì đây là nghĩa vụ của chủ hụi đối với thành viên góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và các điều 15, 22, 27, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Toà án tỉnh KG;*
- *VKS huyện, tỉnh;*
- *Các Đ/s;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *Lưu (HSVA, VPTA).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh